

Bản án số: 08/2021/HS-ST.

Ngày: 28/01/2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoài Bảo**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Vũ Xuân Vương**.

2. Bà **Lữ Kim Hằng**.

Thư ký Phiên tòa: Ông **Phạm Thái Học**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia Phiên tòa: Ông **Trần Văn Sơn** - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 28 tháng 01 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 76/2020/TLST-HS ngày 22 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 01 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. L V H, sinh năm 1978, tại Quảng Ngãi; nơi cư trú: tổ dân phố 2A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Q tịch: Việt Nam; con ông L P, sinh năm: 1952 và bà P H, sinh năm: 1953; vợ V H, sinh năm: 1980 (đã ly hôn) và có 02 con, lớn nhất sinh năm: 2000, nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/8/2020 cho đến nay.

(Bị cáo có mặt)

2. N V C, sinh năm 1987, tại Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Thôn H T, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Q tịch: Việt Nam; con ông N T (Đã chết) và bà L H, sinh năm: 1954; vợ N T, sinh năm: 1990 và có 01 con, sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/10/2020 và tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Cẩm Mỹ cho đến nay.

(Bị cáo có mặt)

3. N H N, sinh năm 1993, tại Bình Định; nơi cư trú: Thôn M, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Phụ xe; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Q tịch: Việt Nam; con ông N S, sinh năm: 1962 và bà N V, sinh năm: 1963; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/8/2020 cho đến nay.

(Bị cáo có mặt)

4. T G Q, sinh năm 1984, tại Đồng Nai; nơi cư trú: Ấp 1, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hoá (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Q tịch: Việt Nam; con ông T X(Đã chết) và bà N D, sinh năm: 1948; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/8/2020 cho đến nay.

(Bị cáo có mặt)

5. L T V H, sinh năm 1993, tại Đồng Nai; nơi cư trú: Ấp 9, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Rửa xe; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; Q tịch: Việt Nam; con ông L T (Đã chết) và bà N T, sinh năm: 1968; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/8/2020 cho đến nay.

(Bị cáo có mặt)

Người làm chứng:

1. Ông T S, sinh năm: 1993 (vắng mặt không có lý do).

Địa chỉ: thôn Mỹ Hóa, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định.

2. Ông Đ Q V, sinh năm: 1988 (vắng mặt không có lý do).

Địa chỉ: ấp 8, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại Phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

N H N, L V H, B V P, N V C đều là nhân viên của nhà xe Tân Niên hoạt động tại khu vực bến xe Sông Ray thuộc ấp 1, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Khoảng 09 giờ ngày 04/6/2020, H, P, C, Nhi rủ nhau đánh bạc bằng hình thức “Xóc đĩa” ăn thua bằng tiền tại nhà kho của bến xe Sông Ray. Khoảng 15 phút sau, T G Q, L T V H đến và cùng tham gia đánh bạc. Số tiền đặt cược mỗi ván từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng.

Hình thức đánh bạc xóc đĩa như sau: dụng cụ sử dụng để đánh bạc gồm 01 cái chén, 01 cái đĩa, 04 con vị được cắt ra từ lá bài tây. Ván bạc bắt đầu từ khi người cầm cái bỏ 04 con vị vào trong cái đĩa rồi úp chén lại và lắc, sau đó đặt xuống chiếu bạc. Người đánh bạc đặt cược vào “Chẵn” hoặc “Lẻ”, sau đó người làm cái xem xét số tiền đặt cược rồi thỏa thuận với người chơi cân đối số tiền đặt cược trên chiếu bạc, sau đó mới quyết định mở lên kiểm tra và chung tiền cho người chơi. Quá trình đánh bạc thì H, P, C thay nhau làm cái. Đây là hình thức nhiều người đánh bạc với nhau.

Đến 10 giờ 30 phút cùng ngày, khi cả nhóm đang đánh bạc thì Nhi, Hùng bị Công an huyện Cẩm Mỹ bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc số tiền 7.900.000 đồng. Riêng H, P, C, Q chạy thoát. Đến 11 giờ 30 phút cùng ngày, Q đến Công an xã Sông Ray đầu thú; Ngày 08/6/2020, H đến Công an huyện Cẩm Mỹ đầu thú; Ngày 07/10/2020, C đến Công an huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế đầu thú.

Quá trình điều tra đã xác định số tiền mà các bị cáo sử dụng để đánh bạc như sau:

1. Bị cáo L V H khai sử dụng số tiền 700.000 đồng để đánh bạc.
2. Bị cáo N H N khai sử dụng số tiền 600.000 đồng để đánh bạc.
3. Bị cáo N V C khai sử dụng số tiền 900.000 đồng để đánh bạc

Khi bị bắt thì C đã thua hết 300.000 đồng, còn lại 600.000 đồng thì C rút lại tại chiếu bạc.

4. Bị cáo T G Q khai sử dụng 450.000 đồng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc thì Q cho L T V H vay nhiều lần, tổng cộng khoảng 800.000 đồng. Đến khi bị bắt thì Q đã thua hết số tiền trên.

5. Bị cáo L T V H vay của T G Q số tiền 800.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt thì Hùng đã thua hết số tiền trên.

Tang vật thu giữ:

- 7.900.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc.
- 01 cái chén bằng sứ; 01 cái đĩa bằng sứ; 07 quân vị hình tròn được cắt ra từ lá bài tây.

Những vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ.

Tại bản cáo trạng số 03/CT-VKSCM ngày 21/12/2020 Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai truy tố các bị cáo L V H, N H N, N V C, T G Q, L T V H về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại Pên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội “Đánh bạc”.

- Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt:

Bị cáo N H N mức án từ 07 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách theo quy định pháp luật.

Bị cáo L T V H mức án: từ 07 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách theo quy định pháp luật.

- Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt:

Bị cáo L V H mức án từ 07 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách theo quy định pháp luật.

Bị cáo T G Q mức án từ 07 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách theo quy định pháp luật.

Bị cáo N V C mức án bằng với thời gian tạm giam là 03 tháng 24 ngày tù.

Áp dụng khoản 3, Điều 321 của Bộ luật hình sự: Phạt bổ sung mỗi bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

Đối với B V P đã bỏ trốn và đang bị truy nã khi bắt được sẽ xử lý sau.

Đối với Đ Q V không có chứng cứ chứng minh việc Vinh tham gia đánh bạc nên không có cơ sở xử lý.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

L V H: Bị cáo biết lỗi, mong hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

N H N: Bị cáo biết sai, hứa không tái phạm.

N V C: Bị cáo biết lỗi, xin giảm nhẹ hình phạt để về lo cho vợ con.

T G Q: Bị cáo biết lỗi, xin giảm nhẹ hình phạt.

L T V H: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại Pên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về xác định tội phạm: Tại Pên tòa, các bị cáo L V H, N H N, N V C, T G Q, L T V H khai nhận hành vi phạm tội do mình thực hiện như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, lời khai này phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 04 tháng 6 năm 2020, tại Bến xe Sông Ray thuộc ấp 1, xã S, huyện C. N H N, L V H, B V P, N V C, T G Q, L T V H đang có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức “Xóc đĩa” thắng thua bằng tiền với số tiền sử dụng để đánh

bạc là 7.900.000 đồng. Đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo L V H, N H N, N V C, T G Q, L T V H phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự như cáo trạng của Viện Kiểm Sát là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Đánh bạc là tệ nạn xã hội, dẫn đến các hậu quả nghiêm trọng khác như phá tán tài sản, làm tan vỡ hạnh phúc gia đình, và làm phát sinh các hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng khác như giết người, cướp, trộm cắp tài sản.... Hành vi của các bị cáo trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng, trật tự trị an, nếp sống văn minh của xã hội. Do đó cần xử các bị cáo một mức án tương xứng với hành vi và mức độ phạm tội của các bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Hội đồng xét xử cũng xem xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của từng bị cáo để xem xét một mức án phù hợp. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là người thực hành, các bị cáo sử dụng số tiền để đánh bạc tương đương nhau, trong đó số tiền mà các bị cáo sử dụng đánh bạc như sau: bị cáo C sử dụng số tiền 900.000 đồng, bị cáo H sử dụng 700.000 đồng, bị cáo Nhi sử dụng số tiền 600.000 đồng, bị cáo Hùng sử dụng số tiền 800.000 đồng, bị cáo Q sử dụng số tiền 450.000 đồng. Tuy nhiên trong quá trình điều tra truy tố và tại Pên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự; các bị cáo H, C, Q đầu thú nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, việc tham gia đánh bạc chỉ là bộc phát nhất thời, số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc không lớn, các bị cáo có nơi cư trú và việc làm ổn định, có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Căn cứ vào hướng dẫn tại nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao về việc “Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo”, hội đồng xét xử xét thấy không cần phải bắt các bị cáo H, Nhi, Q, Hùng chấp hành hình phạt tù, mà chỉ cần xử phạt các bị cáo mức án tù nhưng cho hưởng án treo với một thời gian thử thách kèm phạt tiền bổ sung cũng đủ để giáo dục bị cáo và cho bị cáo cơ hội để trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội. Đối với bị cáo C, xét thời gian bị cáo bị tạm giam cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội, không cần thiết phải tiếp tục giam các bị cáo, mà tạo điều kiện để bị cáo trở về với đời sống xã hội, chăm lo cho gia đình, do đó có căn cứ vào Điều 54 Bộ luật hình sự để xử bị cáo một mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và trả tự do cho bị cáo tại Pên tòa.

[4] Đối với hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung mỗi bị cáo số tiền 10.000.000 đồng.

[5] Đối với B V P đã bỏ trốn khỏi địa phương Công an huyện Cẩm Mỹ đã ra quyết định truy nã, khi bắt được sẽ xử lý sau.

Đối với Đ Q V không có căn cứ thể hiện Vinh có tham gia đánh bạc nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Mỹ không xử lý hình sự đối với Đ Q V là có căn cứ.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền thu giữ trên chiếu bạc: 7.900.000 đồng, đây là số tiền dùng vào việc phạm tội nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Đối với 01 cái chén bằng sứ; 01 cái đĩa bằng sứ; 07 quân vị hình tròn được cắt ra từ lá bài tây, xét thấy không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Q hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Đề nghị của Viện kiểm sát: Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại Pên tòa về tội danh, điều khoản, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt đối với bị cáo và các vấn đề khác trong vụ án là phù hợp một phần với nhận định nên chấp nhận phần phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo các L V H, N H N, N V C, T G Q, L T V H phạm tội “Đánh bạc”

- Áp dụng: khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1, Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao về việc “Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo”.

Xử phạt: Bị cáo N H N 07 (bảy) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 02 (hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo N H N cho UBND xã C, huyện P, tỉnh Bình Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, Điều 92 của Luật thi hành án hình sự

Xử phạt: Bị cáo L T V H 07 (bảy) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 02 (hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo L T V H cho UBND xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng: khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao về việc “Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo”.

Xử phạt: Bị cáo **L V H** 07 (bảy) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 02 (hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo **L V H** cho UBND thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, Điều 92 của Luật thi hành án hình sự

Xử phạt: Bị cáo **T G Q** 07 (bảy) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 02 (hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo **T G Q** cho UBND xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng: khoản 1, Điều 321; Điều 38; điểm i, s khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **N V C** 03 (ba) tháng 24 (hai mươi bốn) ngày tù, Thời hạn tù tính từ ngày 07/10/2020. Đến ngày xét xử sơ thẩm bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù, trả tự do cho các bị cáo, nếu các bị cáo không bị giam, giữ về tội khác.

- Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 3, Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Phạt bổ sung các bị cáo **L V H**, **N H N**, **N V C**, **T G Q**, **L T V H** mỗi bị cáo 10.000.000 (mười triệu) đồng.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 7.900.000 (bảy triệu chín trăm nghìn) đồng.

Tịch thu tiêu hủy 01 cái chén bằng sứ; 01 cái đĩa bằng sứ; 07 quân vị hình tròn được cắt ra từ lá bài tây.

(Toàn bộ số vật chứng nêu trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 22/12/2020 và biên lai thu tiền số 007617 ngày 04/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ).

3. Án phí: Áp dụng khoản 2, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a, khoản 1, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Buộc các bị cáo **L V H**, **N H N**, **N V C**, **T G Q**, **L T V H** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Mỹ;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Nguyễn Hoài Bảo

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa Pên tòa

Nguyễn Hoài Bảo

